

Số: 03.../TT-STNMT

Điện Biên, ngày 04 tháng 01 năm 2019

TỜ TRÌNH

Thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để đấu giá quyền sử dụng đất ở, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ.

Kính gửi:

- Ủy Ban nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 59/2015 NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP Ngày 26/6/2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Văn bản số 119/HĐND-KTNS ngày 12/6/2017 của HĐND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để đấu giá quyền sử dụng đất ở, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ;

Văn bản số 4375/UBND - TN ngày 18/12/2015 của UBND tỉnh Điện Biên về việc chuyển giao nhiệm vụ thực hiện Dự án khu tái định cư Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ;

Căn cứ Quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 18/7/2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để đấu giá quyền sử dụng đất ở, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ;

Căn cứ thông báo số 646-TB/TU ngày 21/12/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chấp thuận chủ trương ứng vốn Quỹ phát triển đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để đấu giá quyền sử dụng đất ở, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ;

Căn cứ Văn bản số 26/UBND-KT ngày 04/01/2019 của UBND tỉnh về việc ứng vốn Quỹ phát triển đất tỉnh Điện Biên cho Sở Tài nguyên và Môi trường để thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để đấu giá quyền sử dụng đất ở, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ;

Sở Tài nguyên và Môi trường trình Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Điện Biên xem xét thẩm định, trình phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu trên cơ sở những nội dung dưới đây:

I. MÔ TẢ TÓM TẮT DỰ ÁN:

1. Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để đấu giá quyền sử dụng đất ở, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ.

2. Tổng mức đầu tư của dự án: Giá trị tổng mức đầu tư: 63.000.000.000 đồng.

Trong đó:

| | |
|----------------------------------|--------------------|
| - Chi phí xây dựng: | 51.144 Triệu đồng. |
| - Chi phí Quản lý dự án: | 1.085 Triệu đồng. |
| - Chi phí TVĐTXD: | 2.537 Triệu đồng. |
| - Chi phí khác: | 2.875 Triệu đồng. |
| - Chi phí bồi thường, HT và TĐC: | 3.000 Triệu đồng. |
| - Chi phí dự phòng: | 2.359 Triệu đồng. |

3. Tên Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. Nguồn vốn: Nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất.

5. Thời gian thực hiện dự án: 2018-2019.

- Phân kỳ thực hiện đầu tư:

a) Giai đoạn I (Năm 2018 - 2019): Thực hiện toàn bộ công tác chuẩn bị dự án; bồi thường GPMB; thực hiện đầu tư xây dựng hoàn chỉnh 4,1 ha theo nội dung quy mô đã duyệt. Chi phí thực hiện đầu tư giai đoạn I dự án ước tính khoảng 51 tỷ đồng.

b) Giai đoạn II (tháng 2/2019 – 12/2019): Thực hiện hoàn thành toàn bộ các hạng mục còn lại của dự án. Chi phí thực hiện đầu tư giai đoạn II dự án ước tính khoảng 12 tỷ đồng.

6. Địa điểm xây dựng: Phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ.

7. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Tạo mặt bằng bố trí khoảng 230 hộ dân, xây dựng một khu dân cư đô thị mới đồng bộ về kiến trúc cảnh quan và hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Tạo ra môi trường sống văn minh, hiện đại, giải quyết kịp thời các nhu cầu cấp thiết về đất ở của người dân. Xây dựng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội thành phố Điện Biên Phủ.

8. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để đấu giá quyền sử dụng đất ở với tổng diện tích đất quy hoạch là 6,1ha. Hệ thống hạ tầng đồng bộ hoàn chỉnh bao gồm các hạng mục: San nền, đường giao thông, cấp nước, cấp điện và chiếu sáng, hệ thống thông tin liên lạc, thoát nước mặt, thoát nước thải, hệ thống hào kỹ thuật, cây xanh, cụ thể như sau:

a) San nền: San ủi nền thi công bằng máy với hệ số đầm nén $K=0,90$; đường giao thông và các nút giao thông với hệ số đầm nén $K=0,95$.

b) Đường giao thông: Tổng chiều dài 1,87km; mặt cắt ngang đường $B_n=11,5m$, bề rộng mặt đường $B_m=5,5m$, bề rộng vỉa hè $2 \times 3=6m$; dốc ngang mặt đường, vỉa hè $I=2\%$.

- Kết cấu mặt đường gồm 3 lớp: (i) Bê tông nhựa hạt trung dày 6cm, tưới nhựa thấm bảm $1kg/m^2$; (ii) cấp phối đá dăm tiêu chuẩn loại 1 dày 15cm; (iii) cấp phối đá dăm tiêu chuẩn loại 2 dày 20cm.

- Vỉa hè lát đá tự nhiên $30 \times 30 \times 3cm$ bằng vữa xi măng dày 2cm, trên lớp cát đệm dày 6cm.

- Rãnh tam giác dọc tuyến bằng bê tông xi măng mác 200#, dưới đệm bằng bê tông lót mác 100#.

- Hồ trồng cây được đầu tư đồng bộ, thành hồ trồng cây bằng đá tự nhiên kích thước $15 \times 20cm$, dưới là lớp bê tông đệm dày 10cm; cây xanh đô thị được trồng có chiều cao tối thiểu từ 3,0 m trở lên và đường kính thân cây tại chiều cao tiêu chuẩn từ 5,0 cm trở lên.

- Bó vỉa hè bằng đá tự nhiên được thiết kế cho khu dân cư có chiều cao thấp thuận tiện cho đi lại, sinh hoạt của người dân.

- Hệ thống an toàn giao thông được đầu tư đồng bộ theo quy định.

c) Hệ thống thoát nước mặt: Được bố trí dưới lòng đường với chiều sâu tối thiểu 0,7m, ống cống bằng bê tông cốt thép mác 250#; đế cống bằng bê tông cốt thép đúc sẵn mác 250#, khoảng cách 1 đế/1m; độ dốc dọc từ 0,15% đến 0,4% đảm bảo thoát nước.

- Tuyến ống thoát nước chính $D1500$ dày 14cm từ cọc G30 ra cửa xả.

- Tuyến thoát nước ống $D800$ dày 10cm đầu nối từ rãnh nước hiện trạng vào cọc G72.

- Tuyến ống thoát nước ống $D600$ dày 8cm chạy dọc các tuyến đường giao thông.

- Tuyến ống thoát nước $D400$ dày 6,5cm thoát nước ngang đường.

- Thu nước mặt bằng 145 hố ga trong đó 64 hố ga thu trực tiếp; 10 ga thăm; 70 hố ga thu thăm kết hợp. Hố ga được đặt dưới lòng đường, sát mép bó vỉa với kích thước: $1140 \times 1140mm$; $1860 \times 1860mm$; $2960 \times 2960mm$:

+ Ga thu trực tiếp có kết cấu lớp đệm bằng bê tông xi măng mác 100# dày 10cm; đế ga bằng bê tông cốt thép mác 250#; thân hố ga xây bằng gạch dày 22cm; tấm đan nắp bằng bê tông cốt thép mác 250# dày 20cm; tấm nắp ga gang hình vuông kích thước $800 \times 500 \times 90mm$ thu nước trực tiếp.

+ Ga thăm có kết cấu lớp bê tông xi măng đệm mác 100# dày 10cm; đế ga bằng bê tông cốt thép mác 250# dày 15cm; thân hố ga xây bằng gạch chiều dày 33cm; tấm đan nắp và cổ ga bằng bê tông cốt thép mác 250# dày 20cm; nắp ga gang hình vuông nắp tròn kích thước $820 \times 850 \times 75mm$ thuận tiện cho công tác vận hành.

+ Ga thu, thăm có kết cấu lớp bê tông xi măng đệm mác 100# dày 10cm; đế ga bằng bê tông cốt thép mác 250# dày 15cm; thân hố ga xây bằng gạch chiều dày 33cm; tấm đan nắp và cổ ga bằng bê tông cốt thép mác 250# dày 20cm; nắp ga gang hình chữ nhật kích thước 1050x745x120mm thu nước trực tiếp, thuận tiện cho quá trình vận hành.

- Cửa xả có móng bằng đá hộc xây vữa xi măng mác 100#, đặt trên lớp bê tông xi măng mác 100# dày 10cm và lớp đá dăm đệm dày 20cm; tường cánh bằng đá hộc xây vữa xi măng mác 100#; gia cố mái bằng đá hộc xây vữa xi măng mác 100#.

d) Hệ thống thoát nước thải: Tuyến ống chính bằng ống HDPE D250 được chôn dưới vỉa hè với chiều sâu chôn ống trung bình 1,10m; tuyến ống được chôn đảm bảo theo nguyên tắc tự chảy, đảm bảo thoát nước triệt để cho từng hộ dân; nước sau khi thu gom sẽ chuyển đến trạm xử lý (được đầu tư sau), nước thải được xử lý đảm quy định trước khi xả ra môi trường.

Ga thăm được bố trí ở giữa 02 lô đất trên vỉa hè, đảm bảo thuận tiện cho công tác đầu nối; đế ga bằng bê tông cốt thép mác 250# dày 15 cm đặt trên lớp bê tông xi măng lót mác 100# dày 10cm; tường xây gạch vữa xi măng mác 75#, trát lòng hố ga bằng vữa xi măng mác 100# dày 2cm; tấm đan nắp bằng bê tông cốt thép mác 250# dày 12cm, nắp ga gang thân vuông nắp tròn kích thước 850x850mm.

e) Hệ thống ống cấp nước sạch: Tuyến ống chính được đầu nối từ hệ thống đường ống cấp nước sạch của Thành phố, ống HDPE D160 và D110 được đi trong hệ thống hào kỹ thuật đảm bảo thuận tiện cho công tác đầu nối và vận hành; tuyến ống cấp nước dịch vụ ống HDPE D50, D40 được đặt sát bó hệ; Hệ thống trụ chữa cháy đặt trên vỉa hè được đầu nối trực tiếp vào hệ thống cấp nước sạch của dự án, đảm bảo theo quy định hiện hành.

f) Điện chiếu sáng, điện sinh hoạt: Điện được đầu nối từ đường điện 22kV hiện có, được hạ ngầm đầu nối vào trạm biến áp 630KVA; toàn bộ hệ thống đường dây hạ thế, điện chiếu sáng được đặt toàn bộ trong hào kỹ thuật; sử dụng cột đèn chiếu sáng liền cần cao 7m, được lắp đặt dọc theo đường giao thông và được điều khiển bằng 1 tủ điều khiển.

g) Hạ tầng thông tin: Được đầu nối và lắp đặt hoàn toàn trong hào kỹ thuật.

h) Hào kỹ thuật: Được bố trí trên vỉa hè, loại hào 2 ngăn và 3 ngăn thành móng đúc sẵn, dưới là lớp bê tông xi măng lót mác 100#; các vị trí qua đường sử dụng bó ống (5 ống HDPE D110; 1 ống HDPE D140), bê tông xi măng mác 200# có khung thép; hố ga hào kỹ thuật bằng bê tông cốt thép mác 300# đúc sẵn.

i) Tường chắn bê tông giữa lô 13: Tường chắn bằng bê tông xi măng mác 200#, dưới là bê tông xi măng lót móng mác 100# dày 10cm; bố trí khe co, khe giãn bằng giấy dầu và nhựa đường dọc tuyến kè.

II. Phần công việc đã thực hiện

Các công việc thuộc giai đoạn chuẩn bị đầu tư, được tổng hợp chi tiết theo biểu sau:

Bảng số 1

| STT | Nội dung công việc hoặc tên gói thầu ⁽¹⁾ | Đơn vị thực hiện ⁽²⁾ | Giá trị ⁽³⁾ | Văn bản phê duyệt ⁽⁴⁾ |
|---|--|--|------------------------|--|
| 1 | Gói thầu số 01: Tư vấn khảo sát, thiết kế-lập dự án, tổng mức đầu tư, thiết kế và cấm cọc GPMB | Công ty TNHH tư vấn kiểm định Him Lam | 419.280.918 | Quyết định số 213/QĐ-STNMT ngày 19/6/2017; Quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 18/7/2018 |
| 2 | Gói thầu số 02: Lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường | Công ty cổ phần tư vấn công nghệ môi trường Việt Nam | 268.819.000 | Quyết định số 213/QĐ-STNMT ngày 19/6/2017 |
| 3 | Gói thầu lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 | | 550.000.000 | Quyết định số 03 ^a /QĐ-BQL ngày 16/4/2015; Quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 18/7/2018 |
| 4 | Lệ phí thẩm định dự án đầu tư | Sở Xây dựng + Sở KHĐT | 9.438.545 | Quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 18/7/2018 |
| 5 | Chi phí giám sát công tác khảo sát lập dự án đầu tư | Chủ đầu tư tự thực hiện | 5.312.778 | Quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 18/7/2018 |
| Tổng giá trị [kết chuyển sang Bảng số 5] | | | 1.252.851.241 | |

III. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu.

Hoạt động của Ban quản lý dự án, tổ chức đền bù giải phóng mặt bằng, khởi công, khánh thành và các công việc khác không áp dụng được các hình thức lựa chọn nhà thầu.

Bảng số 2

| STT | Nội dung công việc ⁽¹⁾ | Đơn vị thực hiện ⁽²⁾ | Giá trị ⁽³⁾ (đồng) |
|---|---|--|-------------------------------|
| 1 | Chi phí quản lý dự án | Ban quản lý dự án | 1.085.440.605 |
| 2 | Chi phí đăng tải thông tin về đấu thầu | Báo đấu thầu | 660.000 |
| 3 | Chi phí cho Hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị của nhà thầu (nếu có) | Hội đồng tư vấn | 9.298.874 |
| 4 | Thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành | Sở Tài chính | 128.577.273 |
| 5 | Kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và nghiệm thu khi hoàn thành công trình của cơ quan | Sở Xây dựng và các sở, ngành liên quan | 220.000.000 |
| 6 | Lệ phí thẩm định thiết kế BVTC + dự toán công trình | Sở Xây dựng | 50.881.374 |
| 7 | Chi phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường | Sở Tài nguyên và Môi trường | 21.000.000 |
| 8 | Chi phí giám sát, đánh giá dự án đầu tư | Sở Tài nguyên và Môi trường | 197.352.837 |
| 9 | Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng và hỗ trợ Tái định cư | Sở Tài nguyên và Môi trường | 3.000.000.000 |
| 10 | Chi phí dự phòng | | 2.199.384.801 |
| Tổng giá trị thực hiện [kết chuyển sang Bảng số 5] | | | 6.912.595.764 |

IV. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu

1. Bảng tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Bảng số 3

| TT | Tên gói thầu | Giá gói thầu | Nguồn vốn | Hình thức lựa chọn nhà thầu | Phương thức lựa chọn nhà thầu | Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu | Loại hợp đồng | Thời gian thực hiện hợp đồng |
|----|--|--------------|-------------------------------------|------------------------------|-------------------------------|---|---------------|------------------------------|
| 1 | Gói thầu: Tư vấn TKBTVC-lập dự toán, tổng dự toán xây dựng công trình | 778.178.952 | Nguồn thu đầu giá quyền sử dụng đất | Đấu thầu rộng rãi trong nước | Một giai đoạn hai túi hồ sơ | Quý III năm 2018 | Trọn gói | 45 ngày |
| 2 | Gói thầu: Tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC+ Dự toán xây dựng công trình | 138.087.148 | | Chi định thầu | Theo quy trình rút gọn | Quý III năm 2018 | Trọn gói | 15 ngày |
| 3 | Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu các gói thầu: Tư vấn và gói thầu thi công xây dựng công trình | 94.988.742 | | Chi định thầu | Theo quy trình rút gọn | Quý III năm 2018 | Trọn gói | 01 tháng |
| 4 | Tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu tư vấn và gói thầu xây lắp | 47.494.372 | | Chi định thầu | Theo quy trình rút gọn | Quý III năm 2018 | Trọn gói | 01 tháng |
| 5 | Gói thầu: Bảo hiểm công trình | 76.715.712 | | Chi định thầu | Theo quy trình rút gọn | Quý IV năm 2018 | Trọn gói | 12 tháng |
| 6 | Gói thầu: Tư vấn giám sát công trình | 431.547.430 | | Chi định thầu | Theo quy trình rút gọn | Quý IV năm 2018 | Trọn gói | 12 tháng |

| | | | | | | | |
|---|--|----------------|------------------------------|-----------------------------|-----------------|-------------------------|----------|
| 7 | Gói thầu: Thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu của kết cấu công trình trong quá trình thi công xây dựng công trình | 255.719.041 | Chi định thầu | Theo quy trình rút gọn | Quý IV năm 2018 | Trọn gói | 12 tháng |
| 8 | Gói thầu: Thi công xây dựng công trình | 52.608.216.805 | Đấu thầu rộng rãi trong nước | Một giai đoạn hai túi hồ sơ | Quý IV năm 2018 | Theo đơn giá điều chỉnh | 12 tháng |
| 9 | Gói thầu: Tư vấn kiểm toán | 403.604.793 | Chi định thầu | Theo quy trình rút gọn | Quý IV năm 2018 | Trọn gói | 03 tháng |
| Tổng giá gói thầu: 54.834.552.995 đồng [kết chuyển sang Bảng số 5] | | | | | | | |

2. Giải trình nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

a) Cơ sở phân chia các gói thầu: Dựa và tính chất kỹ thuật, quy mô của dự án, tính chất của công việc, trình tự thực hiện theo thời gian, xét đến tính đồng bộ về mặt kỹ thuật và công nghệ của dự án, khả năng và năng lực của các nhà thầu thi công trong nước, tiến độ thực hiện của dự án.

b) Giá gói thầu: Được xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư và dự toán theo tổng mức đầu tư được duyệt, hoặc tạm tính theo các dự án tương tự:

c) Nguồn vốn: Nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất.

d) Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu: Căn cứ theo giá trị, nội dung công việc thực hiện của từng gói thầu mà lựa chọn nhà thầu theo hình thức đấu thầu hoặc chỉ định thầu và tương ứng với các phương thức đấu thầu cho từng gói thầu cụ thể được tổng hợp trong bảng 3 "Bảng tổng hợp phân công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu".

- Hình thức lựa chọn nhà thầu:

Đối với Gói thầu: Gói thầu Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu các gói thầu tư vấn và gói thầu thi công xây dựng công trình; Gói thầu: Tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC+ Dự toán xây dựng công trình; Gói thầu Bảo hiểm công trình; Gói thầu: Tư vấn kiểm toán; Gói thầu: Thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng, thí nghiệm khả năng chịu của kết cấu công trình trong quá trình thi công xây dựng công trình; Gói thầu: Tư vấn giám sát công trình thực hiện chỉ định thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 và Điều 54 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP.

đ) Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Được thực hiện theo trình tự thực hiện dự án, cụ thể được tổng hợp trong bảng 3 "Bảng tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu".

e) Loại hợp đồng:

- Gói thầu thi công xây dựng công trình có loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh là gói thầu có thời gian thực hiện lớn hơn 15 tháng, gói thầu có quy mô lớn, phức tạp gồm nhiều hạng mục công trình áp dụng theo điểm c khoản 7 Điều 5 Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Các gói thầu khác có loại hợp đồng là hợp đồng trọn gói.

g) Thời gian thực hiện hợp đồng: Theo mức độ, khối lượng công việc của từng gói thầu, cụ thể được tổng hợp trong bảng 3 "Bảng tổng hợp phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu".

V. Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu:
Không.

| STT | Nội dung | Giá trị ⁽³⁾ |
|---|----------|------------------------|
| 1 | | |
| Tổng giá trị [kết chuyển sang Bảng số 5] | | 0 |

VI. Tổng giá trị các phần công việc

Bảng số 5

| STT | Nội dung | Giá trị |
|--|--|-----------------------|
| 1 | Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện | 1.252.851.241 |
| 2 | Tổng giá trị phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu | 6.912.595.764 |
| 3 | Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu | 54.834.552.995 |
| 4 | Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có) | 0 |
| Tổng giá trị các phần công việc | | 63.000.000.000 |
| Tổng mức đầu tư của dự án | | 63.000.000.000 |

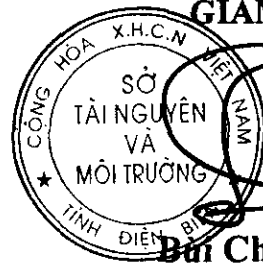
VII. Kiến nghị:

Trên cơ sở những nội dung phân tích nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Điện Biên xem xét thẩm định trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án đầu tư xây dựng công trình Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để đấu giá quyền sử dụng đất ở, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ với các nội dung nêu trên.

Kính trình Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng KHTC;
- Lưu: VT.



GIÁM ĐỐC

Bùi Châu Tuấn

PHỤ LỤC TỜ TRÌNH

(Kèm theo Tờ trình Số: 0.2./TTr-STNMT ngày 04 tháng 01 năm 2019)



BẢNG TÀI LIỆU KÈM THEO VĂN BẢN TRÌNH DUYỆT

| STT | Nội dung | Ghi chú |
|-----|---|-----------------|
| 1 | - Văn bản số 119/HĐN-KTNS ngày 12/6/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để đấu giá quyền sử dụng đất ở, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ; | <i>Bản chụp</i> |
| 2 | Quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 18/7/2018 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt dự án đầu tư xây cơ sở hạ tầng để đấu giá quyền sử dụng đất ở, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ; | <i>Bản chụp</i> |
| 3 | Văn bản số 26/UBND/-KT ngày 04/01/2019 của UBND tỉnh về việc ứng vốn Quỹ phát triển đất tỉnh Điện Biên cho Sở Tài nguyên và Môi trường để thực hiện dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để đấu giá quyền sử dụng đất ở, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ | <i>Bản chụp</i> |
| 4 | <i>Các văn bản phê duyệt tại Bảng số 1</i> | <i>Bản chụp</i> |

Số: *N* /UBND-KT

Điện Biên, ngày 04 tháng 01 năm 2019

V/v ứng vốn Quỹ phát triển đất tỉnh Điện Biên cho Sở Tài nguyên và Môi trường để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để đấu giá quyền sử dụng đất ở, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ.

Kính gửi:

- Quỹ phát triển đất tỉnh Điện Biên;
- Sở Tài nguyên và Môi trường.

Thực hiện Thông báo số 646-TB/TU ngày 21/12/2018 của Tỉnh ủy về chủ trương ứng vốn Quỹ phát triển đất để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để đấu giá quyền sử dụng đất ở, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ;

Căn cứ Quyết định số 517/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của UBND tỉnh về việc thành lập Quỹ phát triển đất tỉnh Điện Biên; Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 28/3/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về trình tự, thủ tục ứng vốn và hoàn trả vốn tại Quỹ phát triển đất tỉnh Điện Biên; Quyết định số 239/QĐ-UBND ngày 28/3/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ phát triển đất tỉnh Điện Biên;

Sau khi xem xét đề nghị của Quỹ phát triển đất tỉnh Điện Biên tại văn bản số 03/CV-QPTĐ ngày 14/8/2018 và đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 301/TTr-STNMT ngày 15/11/2018, UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận cho Sở Tài nguyên và Môi trường được ứng 02 tỷ đồng từ nguồn vốn Quỹ phát triển đất tỉnh Điện Biên để thực hiện dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để đấu giá quyền sử dụng đất ở, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ

- Thời hạn hoàn trả vốn được ứng cho Quỹ phát triển đất tỉnh Điện Biên là 1 năm, kể từ ngày nhận được vốn ứng;

- Mức phí ứng vốn trả cho Quỹ phát triển đất bằng mức phí ứng vốn ngân sách nhà nước là 0,15%/tháng đối với tổng số vốn được ứng.

2. Giám đốc Quỹ phát triển đất tỉnh có trách nhiệm thực hiện các thủ tục giải ngân, ứng vốn cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 28/3/2018 của UBND tỉnh và

các quy định hiện hành của Nhà nước. Chịu trách nhiệm kiểm soát chi, theo dõi, đôn đốc sử dụng vốn đúng mục đích, tiến độ thực hiện dự án và thu hồi vốn đã ứng để hoàn trả lại nguồn vốn cho Quỹ đầy đủ, đúng thời hạn.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Phối hợp với Quỹ phát triển đất thực hiện các thủ tục ứng vốn theo quy định;
- Tổ chức triển khai thực hiện dự án và sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, theo đúng quy định hiện hành và chỉ đạo của Tỉnh ủy tại Thông báo số 646-TB/TU ngày 21/12/2018;
- Quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả; thực hiện hoàn trả vốn đã được ứng theo đúng thời gian quy định.

Nhận được văn bản này, Quỹ phát triển đất tỉnh Điện Biên và Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp tổ chức thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, TH, KT, KTN^(TQH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thành Đô